

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN X
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 21/01/2019
“V/v Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN X - TỈNH LONG AN**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Phượng

Các hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Trần Văn Nhị

2/ Ông Nguyễn Ngọc Châu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy An – Thư ký Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Long An.

Ngày 21 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện X xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 269/2018/TLST-HNGĐ, ngày 03/12/2018 về việc “Tranh chấp ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2018/QĐST-HNGĐ, ngày 18/12/2018 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà **Võ Thị Thúy L**, sinh năm 1980. Địa chỉ: ấp 7, xã NT, huyện X, tỉnh Long An.

* Bị đơn: Ông **Võ Văn H**, sinh năm 1977. Địa chỉ: ấp 7, xã NT, huyện X, tỉnh Long An.

(Bà Võ Thị Thúy L có mặt. Ông Võ Văn H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 14/11/2018 và lời trình bày của nguyên đơn bà Võ Thị Thúy L trong suốt quá trình giải quyết vụ án có nội dung như sau:*

Bà và ông H tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn ngày 24/3/2006 tại Ủy ban nhân dân xã NT, huyện X. Thời gian đầu, vợ chồng bà chung sống hạnh phúc. Sau phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Ông H thường xuyên đi làm ăn xa, lâu lâu mới về nhà. Bà đã nhiều lần khuyên ông H về làm gần nhà nhưng ông H không đồng ý. Ông H đi làm ăn xa đã hơn 10 năm nay. Vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nay không thể hàn gắn được mối quan hệ hôn nhân này, nên bà kiên quyết xin ly hôn với ông H.

Về con chung: Có 03 con chung tên Võ Hoàng D, sinh năm 1998; Võ Kim N, sinh ngày 04/01/2003 và Võ Kim T, sinh ngày 22/9/2007. Khi ly hôn, bà yêu cầu được nuôi 2 con chung là Kim N và Kim T, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con, còn Hoàng D đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn ông Võ Văn H trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập họp lệ nhiều lần, nhưng vẫn vắng mặt, không làm bản tự khai không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không cung cấp bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào và không có ý kiến phản hồi hay yêu cầu gì đối với việc khởi kiện của bà L, cũng như vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

Tòa án tiến hành thụ lý vụ án, hòa giải nhưng không được do bị đơn vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng:

Bà Võ Thị Thúy L nộp đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Võ Văn H. Ông H hiện cư trú tại ấp 7, xã NT, huyện X, tỉnh Long An, nên Tòa án nhân dân huyện X thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28 và Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Võ Văn H là bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai để xét xử, nhưng vẫn không tham gia phiên tòa sơ thẩm là từ bỏ quyền lợi của mình, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông H theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nội dung:

Tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định: “Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”. Do đó, bị đơn không đến Tòa để trình bày ý kiến, không có phản đối gì đối với yêu cầu của bà L là từ bỏ quyền lợi của mình, nên Hội đồng xét xử xem xét giải quyết vụ án trên những chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xác định như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà L và ông H tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn ngày 24/3/2006 tại Ủy ban nhân dân xã NT. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông H thường xuyên đi làm ăn xa đã hơn 10 năm nay. Bà L có khuyên ông H tìm công việc gần nhà nhưng ông H không đồng ý. Bà L xác định bà không thể kéo dài cuộc hôn nhân khi hai người không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, nên bà kiên quyết xin ly hôn với ông H.

Xét thấy, từ khi vụ án được thụ lý cho đến nay, ông H không có bất kỳ giải pháp nào để hàn gắn mối quan hệ hôn nhân với bà L và vắng mặt suốt quá trình tố tụng dù được triệu tập. Cháu Võ Kim T (con gái út của bà L, ông H) xác định ông H lâu lâu có về nhà và biết bà L nộp đơn xin ly hôn nhưng vẫn đi làm xa.

Hội đồng xét xử xác định mâu thuẫn giữa bà L, ông H là trầm trọng, nên yêu cầu xin ly hôn của bà L phù hợp với quy định tại khoản 1, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên có cơ sở chấp nhận.

Về nuôi con chung: Con chung tên Võ Hoàng D, sinh năm 1998 có khả năng lao động, đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét giải quyết. Còn Võ Kim N, sinh ngày 04/01/2003 và Võ Kim T, sinh ngày 22/9/2007. Khi ly hôn, bà L yêu cầu được nuôi 2 con chung, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại, con chung đang sống với bà L.

Xét thấy, 2 con chung của bà L, ông H là Kim N và Kim T đang sống với bà L vẫn phát triển bình thường và có nguyện vọng sống với bà L. Để đảm bảo ổn định cuộc sống, tránh việc thay đổi hoàn cảnh sống làm ảnh hưởng đến sự phát triển tâm lý của trẻ, nên yêu cầu này của bà L có căn cứ chấp nhận. Ông H không phải cấp dưỡng nuôi con do bà L không yêu cầu.

Mặc dù không trực tiếp nuôi dưỡng con chung, nhưng ông H được quyền đến thăm, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của con, thì một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

Về nợ chung, tài sản chung: Cho đến khi xét xử sơ thẩm, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết trong vụ án này. Nếu sau này có tranh chấp, các đương sự có quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

Từ các phân tích trên, yêu cầu khởi kiện của bà L là có căn cứ chấp nhận toàn bộ.

[3] Về án phí: Căn cứ điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, bà L phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ông H không phải chịu án phí.

Vi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 147, 227, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Thúy L đối với ông Võ Văn H.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Thúy L được ly hôn với ông Võ Văn H.

2/ Về con chung: Giao 02 con chung tên Võ Kim N, sinh ngày 04/01/2003 và Võ Kim T, sinh ngày 22/9/2007 cho bà Võ Thị Thúy L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Ông Võ Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con do bà Võ Thị Thúy L không yêu cầu.

Mặc dù không trực tiếp nuôi dưỡng con chung, nhưng ông H được quyền đến thăm, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của con, thì

một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

3/ Về án phí: Bà Võ Thị Thúy L phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Được khấu trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003981, ngày 27/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện X, tỉnh Long An. Bà Võ Thị Thúy L không phải nộp thêm. Ông Võ Văn H không phải chịu án phí.

4/ Án xử sơ thẩm, bà Võ Thị Thúy L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Võ Văn H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được công bố.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhân:**

- TAND tỉnh Long An;
- Chi cục THA huyện X;
- VKSND huyện X;
- Các đương sự;
- UBND xã NT;
- Lưu HS

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Lê Thị Mỹ Phượng